

# GÓP PHẦN TÌM HIỂU VỀ CÁCH XỬ LÝ LINH HOẠT MỐI QUAN HỆ VỚI TRUNG QUỐC CỦA ĐẢNG Ở HỘI NGHỊ GENÈVE 1954

**Ths. Phạm Hồng Kiên**  
Trường Đại học Thủ Dầu Một

## TÓM TẮT

*Hội nghị Genève về Đông Dương năm 1954, là một diễn đàn quốc tế đa phương, do các nước lớn chi phối. Mỗi nước đều có lợi ích và tính toán riêng của mình nên việc ứng xử không phải dễ dàng, trong đó có những quan điểm, toan tính của Trung Quốc rất đáng nghiên cứu, như nghị sỹ Mỹ William Knowland bình luận về Hiệp định Genève “Chu Ân Lai đã sẵn sàng hy sinh chiến thắng quân sự của Hồ Chí Minh để phục vụ lợi ích quốc gia mình”, nhưng với việc đánh giá đúng tình hình, Đảng ta đã xử lý linh hoạt mối quan hệ, đem lại những thắng lợi lớn trên mặt trận ngoại giao, qua đó rút ra những bài học về xử lý mối quan hệ với Trung Quốc.*

Tại Hội thảo quốc tế Chiến thắng Điện Biên Phủ 50 năm nhìn lại (4/2004), khi nói về Hội nghị Genève nữ luật gia người Pháp Laury Anne Bellessa nhận xét: "Nếu chúng ta đi sâu vào chi tiết các cuộc thương lượng, chúng ta sẽ nhận thấy rằng các điều khoản của Hiệp định chỉ để nhằm làm thoả mãn các cường quốc... Vì muốn bảo vệ quyền lợi của mình ở khu vực Đông Nam Á mà các cường quốc đã tự quy định phần lớn các điều khoản trong hiệp định, không cần tính đến phản ứng của các nước Đông Dương. Không còn sự lựa chọn nào khác, các nước Đông Dương phải nhượng bộ trước các áp lực rất lớn này... Thắng lợi trên thực địa nhưng tại bàn Hội nghị, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không thể khai thác được thế mạnh quân sự của mình". Còn nghị sỹ Mỹ William Knowland bình luận về Hiệp định Genève “Chu Ân Lai đã sẵn sàng hy sinh chiến thắng quân sự của Hồ Chí Minh để phục vụ lợi ích quốc gia mình”. Sáu mươi năm đã qua, nhìn lại Trung Quốc ở Hội nghị Genève cho chúng ta thấy rõ: Ý đồ của lãnh đạo Trung Quốc ở Hội nghị; Quan điểm, cách xử lý linh hoạt của chúng ta; và những bài học về xử lý mối quan hệ với Trung Quốc của Đảng ta được rút ra từ Hội nghị Genève 1954.

### **1. Ý đồ của lãnh đạo Trung Quốc ở Hội nghị Genève năm 1954**

Hội nghị Genève do 4 nước triệu tập và có 4 nước khác tham gia, trong đó mỗi nước đều có mục tiêu, ý đồ riêng của mình. Đối với Trung Quốc, được dự hội nghị Genève là cơ hội vàng để thực hiện cùng lúc 3 mục tiêu lớn<sup>(1)</sup>: (1) Thúc đẩy việc giải quyết nhanh chiến tranh Đông Dương theo tinh thần “Triều Tiên hóa”, có nghĩa là đình chỉ chiến sự mà không có giải pháp chính trị, các nước không có điều kiện để thống nhất đất nước, với hy vọng dập tắt lửa cạnh nhà, đẩy Mỹ ra xa, tạo lập một khu đệm ở Đông Nam Á và ngăn chặn Mỹ thay thế Pháp ở bán đảo Đông Dương. Trung quốc vừa tránh được nguy cơ đối diện trực tiếp với Mỹ, vừa thực hiện được vai trò bảo trợ an ninh cho cả 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia; (2) Đè cao vị thế quốc tế của Trung Quốc, khôi phục lại vị thế một nước lớn có vai trò trong các vấn đề quốc tế, mà trước hết là ở Châu Á. Nếu đàm phán tiến triển tốt có thể giải quyết một số vấn đề quốc tế, nếu không thành công cũng có thể tuyên truyền chủ trương của Trung Quốc; (3) Mở rộng quan hệ với các nước Tây Âu,

trước hết là ngoại giao và thương mại, nhằm góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, phá thế bao vây cấm vận của Mỹ.

Mặt khác, muốn đưa Việt Nam nằm trong chính sách Đông Nam Á của Trung Quốc. Chính vì vậy, lập trường của Trung Quốc ở hội nghị Genève khác với lập trường của Việt Nam, nhưng phù hợp với lập trường của Pháp. Cựu tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Quảng Châu, Dương Danh Dy, nhận xét: “Khi hội nghị Genève diễn ra tại Thụy Sĩ năm 1954... Trung Quốc đã đưa Việt Nam ra để dùng làm con bài nhằm nâng cao vị thế của họ lên với phương Tây và chính quyền miền Nam Cộng hòa. Phó Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng lúc đó phản đối kịch liệt và làm lộ rõ âm mưu của Trung Quốc”<sup>(2)</sup>.

Để thực hiện được mục tiêu đó: (1) Trung Quốc đã chuẩn bị nhân sự cho đoàn ngoại giao với 200 người, tập trung nhân tài ưu tú của ngành ngoại giao đi Genève. Chu Ân Lai tự hào nói về chất lượng của đoàn đại biểu “mỗi người là một bộ phận hoàn hảo tạo nên khối thống nhất mạnh mẽ”. (2) Với tư cách là người láng giềng, người bảo trợ cho cuộc chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương, Trung Quốc tự đứng ra đóng vai trò là bên đối thoại chính, từ đó Pháp và Trung Quốc trở thành trung tâm của cuộc mặc cả, dàn xếp. Vin có làm thất bại sự phá hoại của Mỹ, Trung Quốc sẵn sàng có những nhân nhượng trên vấn đề Việt Nam và có những nhân nhượng quan trọng trên vấn đề Lào và Campuchia, một thành viên đoàn đàm phán của Pháp là Jacques de Folin đã viết “trên tất các vấn đề quan trọng, chính là Trung Quốc... đã ép Phạm Văn Đồng có những nhân nhượng cần thiết để đạt được thỏa thuận mà họ mong muốn”<sup>(3)</sup>.

## **2. Xử lý linh hoạt mối quan hệ với Trung Quốc của Đảng ta**

Trên cơ sở nắm bắt lập trường, ý đồ chiến lược của Trung Quốc và các nước, ta đã xử lý linh hoạt tình hình thông qua tiếp xúc, trao đổi thương lượng song phương hoặc đa phương. Vấn đề trước tiên được chúng ta đặt ra là, không để cho những bất đồng, khác biệt về quan điểm lập trường giữa các nước lớn làm hội nghị tan vỡ. Mặt khác, nắm bắt ý đồ của Trung Quốc và các nước, linh hoạt xử lý để có lợi cho ta.

Tại hội nghị, giữa Trung Quốc và Pháp diễn ra nhiều cuộc tiếp xúc riêng, chỉ tính từ 08/5- 23/6/1954, giữa trưởng đoàn Pháp và Trung Quốc đã tiến hành đàm phán 4 lần. Đáng chú ý là cuộc tiếp xúc ngày 17/6/1954 giữa Chu Ân Lai gặp Trưởng đoàn Pháp Georges Bidault, trong cuộc tiếp xúc, vì lợi ích riêng Trung Quốc đã đưa ra những nhân nhượng chính trị cơ bản có hại cho nhân dân 3 nước, Việt Nam, Lào, Campuchia đó là: “Trung Quốc có thể chấp nhận Việt Nam có hai chính quyền (Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và Chính phủ bù nhìn Bảo Đại), công nhận Chính phủ Vương quốc Lào và Chính phủ Vương quốc Campuchia, từ bỏ yêu cầu có đại biểu của Chính phủ kháng chiến Lào và Chính phủ kháng chiến Campuchia tham dự hội nghị Genève và đưa vấn đề quân đội nước ngoài, kể cả quân tình nguyện Việt Nam, phải rút khỏi Lào và Campuchia”<sup>(4)</sup>.

Từ ngày 20/6/1954 trở đi đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, tác động lớn đến chiều hướng vận động của Hội nghị Gionevơ đáng chú ý là cuộc gặp giữa Thủ tướng mới của Pháp Mendét Phorăngxơ và Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai tại Bécơ (Thụy Sĩ, 23/6/1954) bàn về vấn đề phân vùng, thống nhất Việt Nam, vấn đề

Lào và Campuchia, trong cuộc gặp hai bên đã đạt được giải pháp khung cho toàn bộ vấn đề Đông Dương như: chia cắt Việt Nam; hai miền Việt Nam cùng tồn tại hòa bình, giải quyết vấn đề quân sự trước; tách rời giải quyết 3 vấn đề Việt Nam, Lào, Campuchia; Trung Quốc sẵn sàng nhìn nhận 3 nước này trong khối Liên hiệp Pháp và muốn Lào, Campuchia sẽ có bộ mặt mới ở Đông Nam Châu Á như Ấn Độ, Indônêxxia, yêu cầu Mỹ không có căn cứ quân sự ở Đông Dương, những điểm mà những người lãnh đạo Trung Quốc thỏa thuận với Pháp rất phù hợp với giải pháp 7 điểm của Anh- Mỹ đưa ra ngày 29/6/1954, tức là 6 ngày sau cuộc tiếp xúc giữa Thủ tướng Pháp Mendét Phorăngxơ và Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai.

Trước tình thế mới phức tạp, Trung ương Đảng ta quyết định xúc tiến cuộc tiếp xúc với đại diện của Trung Quốc diễn ra từ ngày 03-05/7/1954, ở Liễu Châu (Quảng Tây- Trung Quốc) giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Chu Ân Lai, chúng ta kiên trì lập trường về vấn đề Việt Nam, Lào và Campuchia, chủ trương đòi có đại biểu của Chính phủ kháng chiến Lào và Campuchia tham dự như các bên đàm phán, định giới tuyến quân sự tạm thời ở Việt Nam là vĩ tuyến 13, tổ chức tổng tuyển cử tự do trong thời hạn 6 tháng để thống nhất nước nhà. Đối với việc giải quyết vấn đề Lào và vấn đề Campuchia, Việt Nam giữ quan điểm ở Lào có hai vùng tập kết của lực lượng kháng chiến đó là một vùng ở phía Bắc giáp với Trung Quốc và Việt Nam, một vùng ở Trung và Hạ Lào. Còn ở Campuchia có hai vùng tập kết, một ở phía Đông và Đông bắc sông Mê Kông, một ở phía Tây nam sông Mê Kông, tổ chức tổng tuyển cử tự do trong thời hạn 6 tháng ở Lào và Campuchia, nhưng những đề nghị của Việt Nam đưa ra đều bị Trung Quốc gác lại.

Có thể nói, từ 23/6 đến 20/7/1954, đoàn đại biểu Pháp tiến hành đàm phán trực tiếp với đoàn đại biểu Việt Nam để giải quyết vấn đề cụ thể nhưng Trung Quốc luôn giữ vai trò thúc đẩy phía Việt Nam nhân nhượng nhiều hơn. Tại điện văn của Chu Ân Lai gửi Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Trung Quốc, sao gửi Ban Chấp hành Đảng lao động Việt Nam, lãnh đạo Trung Quốc đã xác định “Đánh giá phương án vĩ tuyến 16 khó có thể thỏa thuận, nếu không được thì sẽ lấy Hải Phòng làm cửa bể tự do, ở gần đó cho phép Pháp đóng một số quân nhất định, nếu không được nữa thì đem đường số 5 và Hà Nội, Hải Phòng làm khu công quản và phi quân sự”<sup>(5)</sup>. Hay, Việt Nam cần “có những điều kiện công bằng và hợp lý để chính phủ Pháp có thể nhận được, để đi đến hiệp định trong vòng 10 ngày, điều kiện đưa ra nên đơn giản, rõ ràng, dễ đi đến hiệp thương, không nên làm phức tạp lời thối để tránh thảo luận mất thì giờ, rườm rà, kéo dài đàm phán”<sup>(6)</sup>. Đúng như Huygơ Tectre (Hugues Teetrais) nhận xét “Bỗng nhiên tiếng nói ngoại giao của Trung Quốc trở nên quan trọng, hết như tiếng nói của nước bá chủ đối với Việt Nam trước khi có thực dân Pháp”<sup>(7)</sup>.

Sau cuộc gặp Liễu Châu, Trung ương Đảng họp Hội nghị vào trung tuần tháng 7, xác định điều chỉnh sách lược trên 3 nội dung cơ bản: (1) *Về quân sự*, ngừng bắn đồng thời ở Việt Nam, Lào, Campuchia; lấy vĩ tuyến 16 làm ranh giới tạm thời hai miền Nam Bắc Việt Nam; không đưa bộ đội, nhân viên quân sự mới vào khu vực này sau khi ngừng bắn, không có căn cứ quân sự nước ngoài và liên minh quân sự. (2) *Về chính trị*, thỏa thuận thời hạn tổng tuyển cử ở Việt Nam; vấn đề Việt Nam gia nhập Liên hiệp Pháp sau khi thống nhất. (3) *Về phương châm đàm*

*phán*, chủ động giành lấy đỉnh chiến ở 3 nước Đông Dương, tích cực thúc đẩy và chủ động đưa ra phương án của ta.

Trong 10 ngày cuối của quá trình đàm phán, từ ngày 10-20 /7/1954, đoàn ta tiến hành đàm phán với các đoàn Anh, Pháp, Liên Xô, Trung Quốc và đại diện Thủ tướng Ấn Độ. Xuất phát từ truyền thống yêu chuộng hòa bình, theo xu thế chung giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng, mặt khác chúng ta cũng gặp khó khăn trước sự dàn xếp của Trung Quốc và các nước lớn, nên Việt Nam đã chấp nhận giải pháp: các nước tôn trọng quyền độc lập cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào, nhân dân Campuchia, ngừng bắn đồng thời ở Việt Nam và trên toàn cõi Đông Dương, Pháp rút quân, đường giới tuyến tạm thời là vĩ tuyến 17; thời hạn tổ chức tổng tuyển cử ở Việt Nam là 2 năm; xác định khu vực đóng quân tạm thời cho Pathét Lào; các lực lượng kháng chiến Campuchia sẽ giải ngũ hoặc tham gia vào các lực lượng cảnh sát địa phương. Trong đêm 20/7/1954, ba Hiệp định về đình chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia được ký kết.

Các nước tham gia Hội nghị Genève với những quan điểm và mục tiêu khác nhau, nhưng cuối cùng đã thống nhất được những điều khoản là do các nước đã tìm được mẫu số lợi ích chung, cùng nhau thỏa hiệp, mỗi nước có được cái tối thiểu cần đạt được. *Đối với Trung Quốc*, ở Hội nghị Genève, Trung Quốc đã đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra, nghiêm nhiên trở thành một trong năm cường quốc, tờ Nhân dân nhật báo ngày 22/7/1954 khẳng định “Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã giành được quy chế một cường quốc trên thế giới, được quốc tế thừa nhận”. Trung Quốc đã đẩy được Mỹ ra xa, có các nước láng giềng làm khu đệm, có biên giới an toàn để tập trung sức người, sức của để phát triển kinh tế, lại tạo được một Đông Dương đa dạng mà Trung Quốc có khả năng quan hệ và ảnh hưởng. Mặt khác, Trung Quốc đã mở rộng và tăng cường thêm quan hệ trên các mặt với Pháp, Anh, Đức, Ý, Thụy Sĩ, Bỉ,..; *Đối với Việt Nam*, Hiệp định bao gồm 6 loại điều khoản với tổng số 47 điều, các nước đã công nhận những quyền cơ bản của nước Việt Nam là: độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, xác lập cơ sở pháp lý để quân và dân ta tiếp tục đấu tranh. Hội nghị Genève đã đánh dấu một trong những thắng lợi vĩ đại của nền ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

### **3. Những bài học rút ra từ Hội nghị Genève 1954, về xử lý mối quan hệ với Trung Quốc**

*Một là, đánh giá chính xác tình hình quốc tế, nhất là thái độ của Trung Quốc và các nước lớn trong hoạt động đối ngoại, chọn đúng mục tiêu, nhân nhượng có nguyên tắc*

Qua Hội nghị Genève cho chúng ta thấy, Đảng ta đã không đánh giá sai tình hình quốc tế, không đánh giá sai ý đồ của Trung Quốc, hiểu đúng chính sách của họ. Việc ký Hiệp định Genève là một giải pháp chiến lược của Việt Nam, bởi trong tình thế cấp bách, đấu tranh cho một nền hòa bình và chấp nhận một giải pháp như vậy là một sự lựa chọn rất khôn khéo, đúng đắn, sáng suốt. Mặt khác Đảng ta vẫn giữ được quan hệ tốt đẹp với Liên Xô, Trung Quốc, thắt chặt quan hệ với Lào và Campuchia.

Kết quả cuối cùng được thể hiện trong Hiệp định Genève so với giải pháp 8 điểm mà chúng ta đưa ra ban đầu có khoảng cách đáng kể, thậm chí chứa đựng

hiều hạn chế. Nhưng đây là những khoảng cách và hạn chế không thể tránh khỏi trong thời điểm lịch sử cụ thể. Với Hiệp định Genève, Pháp, Trung Quốc và các nước phải công nhận trọn vẹn các quyền dân tộc cơ bản của nước ta, đây chính là mục tiêu chúng ta lựa chọn, là cơ sở về pháp lý và cả về đạo lý để nhân dân ta để nhân dân ta đấu tranh thống nhất đất nước; cơ sở để đoàn kết nhân dân Đông Dương, để tập hợp lực lượng và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Bài học quý này sẽ tiếp tục phát huy giá trị trên con đường hội nhập quốc tế đầy thời cơ và thách thức đan xen như hiện nay, chúng ta phải luôn kiên định mục tiêu, nguyên tắc chiến lược, nhưng hết sức linh hoạt, mềm dẻo trong từng sách lược cụ thể; coi thuyết phục, chủ động phòng ngừa, thường xuyên nắm chắc tình hình xử lý kịp thời các tình huống xâm phạm đến độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia.

*Hai là, không mơ hồ về mục tiêu, lợi ích và ý đồ chiến lược của nước lớn, ngay cả khi có nước lớn cùng chung chế độ xã hội chủ nghĩa*

Trong quá trình đàm phán Hiệp định, theo logic hình thức thì sự ủng hộ của Trung Quốc đối với Việt Nam dân chủ cộng hòa là tất yếu, song ngay từ đầu những quan điểm, lập trường và giải pháp về vấn đề chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương của Trung Quốc không hoàn toàn đồng nhất với lợi ích của Việt Nam, sự dàn xếp, thỏa hiệp của Trung Quốc làm phương hại đến lợi ích của dân tộc Việt Nam cũng như của nhân dân hai nước Lào và Campuchia. Cách đây 60 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng rất tỉnh táo, sắc bén, nắm bắt thấu đáo tình hình và xác định mục tiêu, lợi ích quốc gia có sức chi phối rất lớn đối với lập trường, quan điểm của lãnh đạo Trung Quốc về vấn đề Đông Dương. Từ đó, chúng ta đã bình tĩnh trước những chủ trương do lãnh đạo Trung Quốc tự ý dàn xếp với các nước tham dự Hội nghị. Mặt khác chúng ta vừa tích cực, linh hoạt, kiên trì đấu tranh, giữ vững quan điểm lập trường, tranh thủ sự giúp đỡ, đồng thời chủ động, kiên quyết tránh để Trung Quốc đặt chúng ta trong chính sách, chiến lược của họ. Những điều mà chúng ta tưởng như không thể xảy ra lại đã xảy ra cách đây sáu năm nhưng hiện nay vẫn đang tái diễn, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục tỉnh táo, xử lý sắc bén, linh hoạt.

*Ba là, xử lý đúng mối quan hệ giữa thế và lực, chú trọng tăng cường thực lực, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động đối ngoại, bảo vệ độc lập, chủ quyền đất nước*

Sẽ không thể giành thắng lợi trên bàn đàm phán nếu không có thực lực về kinh tế, chính trị, quân sự và thắng lợi trên chiến trường; không diễn ra đồng bộ và rộng khắp trong các mặt trận chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, văn hóa, học thuật. Chính vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại thì phải phát huy tối đa nội lực của đất nước. Sự hỗ trợ từ bên ngoài bao giờ cũng đáng quý và cần được khai thác triệt để, nhưng không bao giờ có thể thay thế được thực lực về kinh tế, quân sự, pháp lý, chính trị, khoa học... của đất nước. Thực lực không chỉ xét đơn thuần ở khía cạnh vật chất, mà còn bao gồm cả những yếu tố tinh thần như: truyền thống lịch sử, tinh thần ái quốc, nghệ thuật quốc phòng toàn dân, những bài học dựng nước và giữ nước mà cha ông để lại, những yếu tố tinh thần đã giúp chúng ta bao phen vượt qua những kẻ thù mạnh gấp bội trong lịch sử, sức mạnh tinh thần là một thành phần quan trọng của thực lực và cần được nuôi dưỡng, bồi đắp không

ngừng. Vì thế, xây dựng lực lượng và bồi đắp thực lực là việc tối cần thiết, quyết định chính đến sự thành bại của công cuộc bảo vệ độc lập, chủ quyền của quốc gia.

Trên thực tế, cho dù các cường quốc có nhiều khả năng chi phối, nhưng biện chứng của quan hệ quốc tế là ở chỗ: các nước nhỏ bằng những nỗ lực của chính mình có thể tác động trở lại. Sự phối hợp của Việt Nam với các nước trong khu vực, thế giới, nhân dân yêu chuộng hòa bình, là cơ sở để phát huy thế chủ động, cùng tranh thủ những điều kiện thuận lợi, đồng thời hợp tác để vượt qua những thử thách do tình hình quốc tế mang lại, nhằm giữ vững chủ quyền, hoà bình, ổn định và phát triển.

*Bốn là, tích cực, chủ động vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong quan hệ với Trung Quốc và các nước, chú trọng tăng cường đối thoại, giữ vững ổn định để phát triển*

Trong quan hệ với Trung Quốc chúng ta không nên cứng nhắc chỉ có hợp tác mà không có đấu tranh vì quyền lợi dân tộc. Chính trong Hội nghị Genève chúng ta đã vượt lên trên tư duy đối ngoại cứng nhắc, xác định phương châm kết hợp giữa hợp tác và đấu tranh, được Đảng ta vận dụng có hiệu quả trong và sau Hội nghị Genève, tạo ra phong cách linh hoạt đặc sắc của ngoại giao Việt Nam.

60 năm đã qua, kế thừa những bài học từ Hội nghị Genève, hiện nay Đảng ta luôn khẳng định: những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta mà chúng ta cần phải hợp tác và bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xâm phạm đến chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta đều là đối tượng đấu tranh. Tư duy mới của Đảng về bảo vệ Tổ quốc; khắc phục được hạn chế của tư duy cũ, không cứng nhắc, làm cản trở hội nhập, hợp tác, không mơ hồ, mất cảnh giác; vừa giữ nguyên tắc, vừa đủ linh hoạt, được xem như cảm nang “đĩ bất biến” để ứng với “vạn biến” trong quan hệ, xử lý các tình huống chiến lược, tạo được sự đan xen lợi ích chiến lược, giữ vững và củng cố môi trường hòa bình, ổn định, tạo thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Khắc Huỳnh, *Hiệp định Genève sau 50 năm nhìn lại và suy ngẫm*, Tạp chí Lịch sử quân sự số 7/2004.
2. <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/nhung-thang-tram-trong-quan-he-viet-trung-2995296.html>.
3. Tạp chí Pháp, *Historia Special*, số 28, tr 102.
- 4,5,6. Sự thật quan hệ Việt Nam- Trung Quốc trong 30 năm qua, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1979, tr30; 32.
7. Hugues Teetrais, *Bài tham luận 1954-1975 so sánh và suy nghĩ*, Nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ và Hội nghị Genève (1954-1975).
8. Phạm Hồng Kiên, *Góp phần tìm hiểu sự chủ động của Đảng trong kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược*, Tạp chí Lịch sử Đảng số 6/2014.

Ths **PHẠM HỒNG KIÊN**

Giảng viên khoa Lý luận chính trị  
Trường Đại học Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương  
Địa chỉ 06 Trần Văn Ôn- Phường Phú Hòa- Tp Thủ Dầu Một- Tỉnh Bình Dương  
Điện thoại 0906.598.363